

Số: 04/2020/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP LẦN THỨ XX - NHIỆM KỲ III  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM  
QUỐC GIA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 và Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC4/KDBH ngày 12/8/2014 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ các báo cáo và tờ trình của Ban Giám đốc, kết quả thảo luận và biểu quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 20, nhiệm kỳ III ngày 24/3/2020;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty Deloitte Việt Nam và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

**1.1. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2019:** Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.772.562.125.506 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.921.058.225.708 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:  
*Dự phòng Nhượng TBH: 1.510.842.655.787 VND*  
*Dự phòng Nhận TBH: 2.825.201.498.892 VND*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019 VND	KH 2019 VND	Thực hiện 2018 VND	So sánh 2019/KH	So sánh 2019/18
<b>1. Doanh thu phí nhận TBH</b>	<b>2.221.248.294.242</b>	<b>1.967.000.000.000</b>	<b>1.802.718.232.456</b>		
- Doanh thu phí nhận TBH không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	2.221.248.294.242	1.967.000.000.000	1.802.718.232.456	112,9 %	123,2%
- Doanh thu phí nhận TBH từ hoạt động thí điểm BHNN	0	0	0		
<b>2. Phí giữ lại</b>	<b>1.190.969.680.063</b>	<b>944.600.000.000</b>	<b>784.786.428.263</b>		

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019 VND	KH 2019 VND	Thực hiện 2018 VND	So sánh 2019/KH	So sánh 2019/18
- Phí giữ lại không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	1.190.969.680.006	944.600.000.000	784.741.146.563	126,1%	151,8%
- Phí giữ lại từ hoạt động thí điểm BHNN	57		45.281.700		
<b>3. Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác</b>	<b>301.543.392.923</b>	<b>295.000.000.000</b>	<b>260.249.437.033</b>		
<i>Trong đó: Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá (CLTG) không được phân phối</i>	<i>(248.994.817)</i>		<i>5.377.691.054</i>		
Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác không bao gồm CLTG	301.792.387.740	295.000.000.000	254.871.745.979	102,3%	118,4%
<b>4. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>332.126.614.132</b>	<b>331.000.000.000</b>	<b>315.679.806.761</b>		
<i>Trong đó: Lợi nhuận từ CLTG không được phân phối</i>	<i>(248.994.817)</i>		<i>5.377.691.054</i>		
Lợi nhuận trước thuế không bao gồm lợi nhuận từ CLTG không được phân phối	332.375.608.949	331.000.000.000	310.302.115.707	100,4%	107,1%
<b>5. Tổng thu - Tổng chi không lương</b>	<b>383.830.259.701</b>	<b>382.000.000.000</b>	<b>360.045.589.372</b>	<b>100,5%</b>	<b>106,6%</b>

*Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.*

**1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 với một số chỉ tiêu chính như sau:**

- Tổng tài sản: 6.994.381.824.809 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.107.341.671.545 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
  - Dự phòng Nhượng TBH: 1.510.842.655.787 VND*
  - Dự phòng Nhận TBH: 2.825.201.498.892 VND*

**Điều 2:** Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, nội dung chủ yếu như sau:

**2.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận đến ngày 31.12.2019:**

Chỉ tiêu lợi nhuận	31/12/2019 (VND)
--------------------	------------------



<b>Lợi nhuận còn lại tại ngày 1/1/2019</b>	<b>440.887.305.670</b>
- Lợi nhuận được phân phối	364.443.745.080
- Lợi nhuận không được phân phối ( <i>chênh lệch tỷ giá</i> )	76.443.560.590
<b>Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2019</b>	<b>274.561.743.847</b>
- Lợi nhuận được phân phối	274.810.738.664
- Lợi nhuận không được phân phối ( <i>chênh lệch tỷ giá</i> )	(248.994.817)
<b>Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2019</b>	<b>715.449.049.517</b>
- Lợi nhuận được phân phối	639.254.483.744
- Lợi nhuận không được phân phối ( <i>chênh lệch tỷ giá</i> )	76.194.565.773

## 2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2019 trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn:

<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế 2019</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
Trích lập Quỹ phát triển kinh doanh ( <i>2% Lợi nhuận sau thuế</i> )	0
Quỹ khen thưởng ( <i>1,5% Lợi nhuận sau thuế</i> )	4.122.161.080
Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty ( <i>01 tháng lương thực hiện</i> )	4.287.887.563
Chi khen thưởng CBNV VINARE nhân kỷ niệm 25 năm thành lập (*)	2.000.000.000
Chi trả cổ tức năm 2019 ( <i>tỷ lệ 20%</i> )	262.151.874.000
<b>Lợi nhuận còn lại</b>	<b>442.887.126.874</b>
- Lợi nhuận được phân phối	366.692.561.101
- Lợi nhuận không được phân phối ( <i>chênh lệch tỷ giá</i> )	76.194.565.773

❖ Tỷ lệ trích lập các quỹ đã được ĐHĐCĐ chấp thuận tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 ngày 28/4/2006 được sửa đổi một số điểm theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008 ngày 28/4/2008 và nghị quyết HĐQT số 14 /2019/QĐ-HĐQT ngày 27/8/2019.

❖ Năm tài chính 2019 không thực hiện trích lập quỹ Phát triển kinh doanh

❖ Tỷ lệ cổ tức năm 2019 dự kiến 12% và đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn tại Nghị quyết số 09/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2019. Tỷ lệ cổ tức 2019 trình ĐHĐCĐ thông qua là 20%.

**Điều 3:** Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổ thư ký Hội đồng quản trị năm 2019: **2.134.500.000 VND** (được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ).

**Điều 4:** Phê chuẩn các giao dịch với bên có liên quan năm 2019 (báo cáo đính kèm).

**Điều 5:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2019 và nhiệm kỳ 2015-2019 (báo cáo đính kèm).

**Điều 6:** Phương án hiện thực hóa lợi nhuận từ Tiên Phong Bank

- Nhất trí thông qua phương án hiện thực hóa lợi nhuận vốn đầu tư của VINARE tại Ngân hàng Tiên Phong (TPB). Nội dung chi tiết liên quan đến phương án được đề cập tại Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) VINARE ngày 24/3/2020.
- Giao Tổng giám đốc VINARE tổ chức thực hiện phương án đã được HĐQT thông qua và ủy quyền cho Tổng giám đốc VINARE giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền HĐQT trong quá trình tổ chức thực hiện. Hàng năm báo cáo HĐQT kết quả thực hiện cùng với việc trình HĐQT phê duyệt báo cáo tài chính năm

**Điều 7:** Nhất trí thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Một số nội dung:

**7.1 Kế hoạch kinh doanh chung:**

Đơn vị Tr. VND			
Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	2.565.000	2.221.248	15,5%
Lợi nhuận trước thuế	355.600	332.127	7,0%
Chênh lệch tỷ giá (CLTG)	(chưa xác định)	-249	
Lợi nhuận không bao gồm CLTG	355.600	332.376	
Tổng thu – Tổng chi không lương	410.000	383.830	6,8%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến tối thiểu	12%	20%	

**7.2 Kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư:**

ST T	Danh mục đầu tư	2020	2019	Tăng/ giảm trong năm	Tỷ trọng (31/12/2020)
1	Tiền gửi ngân hàng	2.687.544	2.690.000	-2.456	65,7%
2	Trái phiếu	400.000	270.000	130.000	9,8%
3	Góp vốn cổ phần	610.155	588.155	22.000	14,9%
4	Chứng khoán, chứng chỉ quỹ và ủy thác đầu tư	315.000	255.000	60.000	7,7%



ST T	Danh mục đầu tư	2020	2019	Tăng/ giảm trong năm	Tỷ trọng (31/12/2020)
5	Văn phòng cho thuê	8.300	9.409	-1.109	0,2%
6	Bất động sản	6.000	13.304	-7.304	0,2%
7	Tiền tài khoản thanh toán	60.000	100.815	-40.815	1,5%
	Tổng cộng	<b>4.087.000</b>	<b>3.926.683</b>	<b>+160.317</b>	<b>100,0%</b>

Tổng giám đốc chủ động tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư theo dự kiến phân bổ tài sản nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết có sự thay đổi về phân bổ tài sản đầu tư so với dự kiến, Tổng giám đốc chủ động giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề trên phân cấp, trên cơ sở chấp hành các quy định của pháp luật và các quy định của Tổng công ty liên quan đến lĩnh vực này.

7.3 Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT phê chuẩn việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế.

**Điều 8:** Thông qua báo cáo và đề xuất của Tổng Giám đốc về danh mục đầu tư góp vốn cổ phần:

- Kế hoạch thoái vốn năm 2020 của VINARE: Không có.
- Tổng Giám đốc tiếp tục rà soát, đánh giá và đề xuất chủ trương nắm giữ/thoái vốn đầu tư, đầu tư bổ sung, đầu tư mới của VINARE tại các doanh nghiệp khác trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của VINARE và hiệu quả đối với danh mục này

**Điều 9:** Thông qua về nguyên tắc định hướng, mục tiêu phát triển và các giải pháp giai đoạn 2020-2024 theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

**Điều 10:** Thông qua và trình ĐHĐCĐ phê chuẩn một số chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2020-2024. Cụ thể:

**10.1 Chỉ tiêu kết quả kinh doanh:**

- Tăng trưởng doanh thu phí nhận bình quân: 9%/năm
- Tỷ lệ combined ratio bình quân tối đa: 98%
- Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân: tối thiểu 7%/năm
- Tỷ lệ cổ tức tối thiểu: 12%/năm
- ROE bình quân tối thiểu: 10%

**10.2 Chỉ tiêu về vốn điều lệ:** Vốn điều lệ tăng lên 2.000 tỷ cho đến năm 2024. Thời điểm và phương thức phát hành theo đề án do Tổng Công ty xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua.

**Điều 11:** Thông qua cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2024:

### **11.1 Hội đồng quản trị:**

- Số lượng thành viên HĐQT: 09 người, trong đó thành viên độc lập 01 người.
- Tiêu chuẩn: tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của VINARE.
- Cơ cấu đề cử ứng viên HĐQT:
  - Cổ đông SCIC: 03 người, trong đó đề xuất 01 nhân sự vào chức danh Chủ tịch HĐQT
  - Cổ đông Swiss Re: 01 người
  - Cổ đông Tập đoàn Bảo Việt: 01 người, dự kiến đề xuất vào chức danh Phó Chủ tịch HĐQT
  - Cổ đông Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt: 01 người
  - Cổ đông Bảo Minh: 01 người
  - Cổ đông PJICO: 01 người
  - 01 thành viên độc lập
  - Các ứng viên khác được đề cử theo quy định (nếu có)

### **11.2 Ban Kiểm soát:**

- Số lượng thành viên BKS: 5 người.
- Tiêu chuẩn: tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của VINARE.
- Dự kiến đề cử nhân sự của các cổ đông:
  - Cổ đông SCIC: 02 người, trong đó 01 nhân sự đề xuất vào chức danh Trưởng BKS
  - Cổ đông Swiss Re: 01 người
  - Cổ đông Tập đoàn Bảo Việt: 01 người
  - Cổ đông BIC: 01 người
  - Các ứng viên khác được đề cử theo quy định (nếu có)

**11.3** Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan để thông báo tới các cổ đông và tập hợp danh sách đề cử, trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 – 2024 thông qua, tiến hành bầu cử theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty.

**Điều 12:** Nhất trí và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế Quản trị Tổng công ty sửa đổi của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam.

**Điều 13:** Nhất trí và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất của Ban Kiểm soát:

13.1 Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2020, bao gồm các công ty sau:

- a. Công ty TNHH KPMG Việt nam
- b. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

c. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

d. Công ty Pricewaterhouse Coopers

13.2 Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã phê duyệt để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

**Điều 14:** Hội đồng quản trị ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị phê chuẩn các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

**Điều 15:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch HĐQT
- HĐQT, BKS, BGĐ
- Lưu: Thư ký HĐQT, TH, ĐT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Lê Song Lai**